TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN LIÊN CHIỂU
THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do- Hạnh phúc

Bản án số **03**/2021/HNGĐ-ST
Ngày 26/01/2021
V/v "Ly hôn, nuôi con chung"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN LIÊN CHIỂU, THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG

- *Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:*

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: **Ông Trần Hữu Vinh**

Các Hội thẩm nhân dân:

1/ Ông **Nguyễn Công Chi**

2/ Bà **Huỳnh Thị Lệ**

- *Thư ký phiên tòa:* **Bà Trần Ngô Khánh Loan** - Thư ký Tòa án nhân dân quận Liên Chiểu, thành phố Đà Nẵng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Liên Chiểu tham gia phiên tòa: **Ông Võ Phước Khánh Toàn** – Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 01 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Lien Chiểu xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 431/2020/TLST-HNGĐ ngày 12 tháng 11 năm 2020 về việc "Ly hôn, nuôi con chung" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 67/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 28 tháng 12 năm 2020 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị Diệu M – Sinh năm: 1996, trú tại: Khu chung cư K103, phường H, quận L, TP. Đà Nẵng. *(Có mặt)*

- Bị đơn: Ông Kim Đức N – Sinh năm: 1985, trú tại: Khu chung cư D206, phường H, quận L, TP. Đà Nẵng *(Vắng mặt, không có lý do).*

NỘI DUNG VỤ ÁN:

**** Theo đơn xin ly hôn, các lời khai trong quá tình giải quyết vụ án và tại phiên tòa hôm nay, nguyên đơn – bà Nguyễn Thị diệu M trình bày:***

- Về quan hệ hôn nhân: Tôi và ông Kim Đức N tự nguyện kết hôn vào năm 2015, có đăng ký kết hôn tại UBND phường H, quận L, TP. Đà Nẵng, hôn nhân trên cơ sở tự nguyện. Sau khi kết hôn, vợ chồng tôi sống cùng gia đình nhà chồng tại Khu chung cư K103, phường H, quận L, Thành phố Đà Nẵng. Trong quá trình chung sống, vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn, chồng tôi mê game rồi bỏ bê vợ con. Nghe lời mẹ ruột nên đã nhiều lần cãi vã và xúc phạm đến tôi. Tôi thấy cuộc sống quá áp lực và mệt mỏi nên đã dẫn con về nhà mẹ ruột sống đến nay đã được 02 năm. Đến nay chúng

tôi xác nhận không còn tình cảm, vợ chồng tôi đề nghị Tòa án giải quyết cho tôi được ly hôn với anh Kim Đức N.

- Về con chung: Tôi và anh Kim Đức N có 01 con chung là Kim D, sinh ngày 17 tháng 4 năm 2013. Nguyện vọng của tôi được nuôi dưỡng 01 con chung và không yêu cầu ông N cấp dưỡng.

- Về quan hệ chia tài sản: Bà Nguyễn Thị Diệu M xác nhận không có.

- Về nợ chung: Bà Nguyễn Thị Diệu M xác nhận không có.

*** Bị đơn là ông Kim Đức N** không đến Tòa để trình bày ý kiến của mình đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn cũng như không tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải mặc dù đã được Tòa án tống đạt hợp lệ thông báo thụ lý vụ án và các thông báo về phiên họp.

*** Ý kiến của đại diện VKSND quận Liên Chiểu:**

Về thủ tục tố tụng: Thống nhất về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử cũng như việc chấp hành pháp luật của nguyên đơn, kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án; Bị đơn không chấp hành các thông báo của Tòa án.

Về nội dung vụ án: Xét thấy về quan hệ hôn nhân mâu thuẫn bà Nguyễn Thị Diệu M và ông Kim Đức N đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được nên căn cứ vào Điều 56 Luật HNGĐ đề nghị HĐXX chấp nhận yêu cầu khởi kiện cho bà M được ly hôn với ông N.

Về con chung: Vợ chồng ông bà có 01 con chung là Kim D, sinh ngày 17 tháng 4 năm 2013. Nguyện vọng của bà M được nuôi dưỡng 01 con chung và không yêu cầu ông N cấp dưỡng. Nguyện vọng của bà M được nuôi dưỡng 01 con chung và không yêu cầu ông N cấp dưỡng nuôi con là phù hợp với quy định tại các Điều 81, 82, 83 Luật HNGĐ nên đề nghị HĐXX chấp nhận.

Về tài sản chung, nợ chung: Bà M xác định không có nên không xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, HĐXX nhận định:

1. Về thủ tục tố tụng: Trong suốt quá trình tố tụng để giải quyết vụ án này, TAND quận L đã thông báo để ông N biết có mặt tại Tòa án nhằm tiếp cận, công khai các chứng cứ có trong hồ sơ vụ án cũng như hòa giải nhưng ông N đều vắng mặt, không có lý nên tại phiên tòa hôm nay, HĐXX áp dụng khoản 2 Điều 227 BLTTDS tiến hành xét xử ông Kim Đức N.

2. Về nội dung tranh chấp:

- Quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn Thị Diệu M và ông Kim Đức N tự nguyện kết hôn vào năm 2014 và có đăng ký kết hôn tại UBND phường H theo Giấy chứng nhận kết hôn số 118/quyển số 08/2014 ngày 09/10/2014. Do đó, hôn nhân của bà M và ông N là hợp pháp, được pháp luật công nhận và bảo vệ.

Trong quá trình sinh sống, vợ chồng bà M ông N đã xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân của sự mâu thuẫn do không hợp nhau về tính tình, quan điểm sống. Ông N ham chơi trò chơi điện tử, không có trách nhiệm với gia đình. Hiện nay, vợ chồng ông bà đã sống ly thân nhau từ năm 2018 đến nay (có xác nhận của địa phương nơi bà M đang sinh sống). HĐXX xác định, cuộc sống vợ chồng phải có nghĩa vụ yêu thương, chăm sóc, quan tâm, chia sẻ với nhau. Tuy nhiên, cuộc sống vợ chồng của bà M đã không hạnh phúc, không còn tình cảm với nhau đã được thể hiện từ việc ông N đã được nhiều lần Tòa án thông báo yêu cầu có mặt tại Tòa án để giải quyết vụ án, chưa kể đến bà M đã từng gởi đơn khởi kiện đến Tòa án và sau đó rút đơn khởi kiện theo Quyết định đình chỉ vụ án số 69/2019/QĐST – HNGĐ ngày 21/10/2019, nhưng ông N đều thể hiện sự không hợp tác, hoàn toàn không có nguyện vọng hàn gắn cuộc sống vợ chồng với bà M. Do đó, HĐXX kết luận: Mâu thuẫn của vợ chồng bà M ông N đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, không thể tiếp tục duy trì quan hệ hôn nhân này nên yêu cầu ly hôn của bà M đối với ông N là phù hợp với quy định Điều 51, 56 Luật hôn nhân và gia đình.

- Quan hệ con chung: Bà M xác định có 01 con chung Kim D, sinh ngày 17 tháng 4 năm 2013. Nguyện vọng của bà M được nuôi dưỡng 01 con chung và không yêu cầu ông N cấp dưỡng. HĐXX nhận định: Hiện nay, cháu Dung đang sống ổn định với bà M, được bà M chăm sóc, nuôi dưỡng phát triển rất tốt. Đồng thời, ông N vắng mặt tại phiên tòa, không có ý kiến phản hồi thể hiện nguyện vọng giải quyết con chung như thế nào nên HĐXX không có cơ sở để giao con chung cho ông N nuôi dưỡng. Do đó, nguyện vọng trực tiếp nuôi dưỡng con chung và không yêu cầu ông N cấp dưỡng nuôi con là tự nguyện, đáp ứng được các nhu cầu thiết yếu để con chung phát triển thường, tốt nhất có thể nên HĐXX căn cứ vào quy định tại các Điều 81, 82, 83 Luật HN & GĐ chấp nhận yêu cầu của bà M.

- Về tài sản chung, nợ chung: Bà M xác định không có nên HĐXX không xem xét, giải quyết.

Nếu sau này bà M ông N có tranh chấp về vấn đề tài sản chung, nợ chung thì có quyền khởi kiện bằng một vụ kiện dân sự khác.

2. Về án phí HNGĐ sơ thẩm*:* Căn cứ Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQHH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, bà Nguyễn Thị Diệu M chịu 300.000 đồng.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng: Các Điều 51, 56, 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình; Điều 147, 227, 235, 273 Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQHH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Diệu M với ông Kim Đức N.

- Về quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn Thị Diệu M được ly hôn với ông Kim Đức N.

(*Giấy chứng nhận đăng ký kết hôn số 118/quyển số 08/2014 ngày 09/10/2014 tại UBND phường H, quận L, Tp Đà Nẵnghết hiệu lực, kể từ ngày án có hiệu lực pháp luật*).

- Về con chung: Giao 01 con chung tên là Kim D – Sinh ngày: 17/4/2013 cho bà Nguyễn Thị Diệu M trực tiếp nuôi dưỡng. Ông Kim Đức N không cấp dưỡng nuôi hai con chung.

2. Án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: 300.000 đồng (*ba trăm ngàn đồng*) bà Nguyễn Thị Diệu M phải nộp, nhưng được trừ vào tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng đã nộp theo biên lai thu số 0004767 ngày 12/11/2020 của Chi cục thi hành án dân sự quận Liên Chiểu – TP Đà Nẵng.

3. Quyền kháng cáo: Nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Riêng bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án này trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- VKSND quận L;
- Chi cục THADS quận L;
- UBND phường Hòa Mnh.
- Lưu.

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Trần Hữu Vinh